

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 2957 /BGTVT-TCCB
V/v quy định chế độ báo cáo cải
cách hành chính định kỳ hàng quý,
06 tháng và năm

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2012

Kính gửi:

- Các Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Các Cục trực thuộc Bộ;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ;
- Trung tâm Công nghệ thông tin.

Thực hiện Công văn số 725/BNV-CCHC ngày 01/3/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính hàng năm, Bộ Giao thông vận tải yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ và nội dung báo cáo công tác cải cách hành chính theo quy định, cụ thể như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị mình định kỳ quý, 06 tháng, năm như sau:

- Báo cáo theo đề cương báo cáo cải cách hành chính định kỳ hàng quý, 06 tháng và năm (theo phụ lục 1 gửi kèm);

- Kết quả thực hiện các kế hoạch cải cách hành chính (theo phụ lục 2 gửi kèm);

- Thống kê các tiêu chí thực hiện cải cách hành chính (theo phụ lục 3 gửi kèm).

2. Văn phòng Bộ tổng hợp số lượng thủ tục hành chính (theo phụ lục 04 gửi kèm).

3. Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ pháp chế và Văn phòng Bộ báo cáo các vấn đề xử lý trong quá trình triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính (theo phụ lục 5 gửi kèm).

4. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị lập báo cáo; tổng hợp báo cáo kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị để báo cáo Bộ trưởng.

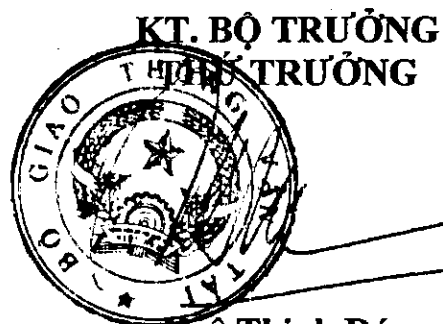
Thời gian gửi báo cáo cải cách hành chính bằng văn bản về Bộ Giao thông vận tải (qua Vụ Tổ chức cán bộ) và qua Email: thanhnh@mt.gov.vn theo tiến độ như sau: báo cáo quý gửi trước ngày 10 tháng cuối cùng của quý; báo cáo 6

tháng gửi trước ngày 10 tháng 6 hàng năm; báo cáo năm gửi trước ngày 05/12 hàng năm.

Đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu VT, TCCB.(Dg).



KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Ngô Thịnh Đức
Phó trưởng Ban TT Ban chỉ đạo CCHC Bộ

www.LuatVietnam.vn

ĐỀ CƯƠNG

**BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỶ QUÝ, 6 THÁNG, NĂM
CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Kèm theo Công văn số 2957 /BGTVT-TCCB ngày 17 tháng 4 năm 2012
của Bộ Giao thông vận tải)*

Báo cáo cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị yêu cầu xây dựng thống nhất với các phần chính là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.
- Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính.
- Đánh giá chung.
- Phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính của bộ trong năm tới.
- Kiến nghị, đề xuất.

Nội dung cụ thể của các phần như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

- Nêu rõ việc xây dựng và ban hành kế hoạch cải cách hành năm của cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải.

- Kết quả triển khai thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ đạt được trong thực hiện các nội dung của kế hoạch.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị.

- Việc tổ chức các hội nghị giao ban công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị.

- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại của cơ quan, đơn vị.

- Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính.

3. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

- Việc ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị.

- Kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ số đơn vị trực thuộc được kiểm tra, việc xử lý các vấn đề đặt ra sau khi tiến hành kiểm tra.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm của cơ quan, đơn vị.

- Kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền, trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở Hiến pháp năm 1992 sửa đổi

1.2. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật

1.3. Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

1.4. Hoàn thiện thể chế về sở hữu

1.5. Sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về xã hội hoá

1.6. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế về tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước

1.7. Xây dựng và hoàn thiện quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân

Các nội dung từ 1.1 đến 1.7 nêu trên, các cơ quan, đơn vị thực hiện và báo cáo theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của mình và phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải. Theo đó, cần phải nêu cụ thể trong báo cáo về các vấn đề sau:

- Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị:

+ Báo cáo cụ thể tình hình thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) hàng năm của cơ quan, đơn vị đã được Bộ trưởng phê duyệt, nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch.

+ Việc tuân thủ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

Nêu cụ thể tình hình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL. Trong đó, thống kê số lượng VBQPPL được rà soát, hệ thống hóa; việc xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát.

- Công tác kiểm tra VBQPPL do bộ, ngành và địa phương ban hành có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải:

+ Nêu cụ thể tình hình xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

+ Việc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, nêu cụ thể số cơ quan trong kế hoạch đã được kiểm tra trên thực tế.

+ Việc xử lý các vấn đề phát hiện sau kiểm tra.

1.8. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực

a) *Thực hiện chiến lược (hoặc quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm) đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải:*

- Tình hình xây dựng và trình Bộ phê duyệt chiến lược (hoặc quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm) đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

- Việc tổ chức thực hiện chiến lược (hoặc quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm, hàng năm) đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị; trong đó, nêu rõ mức độ triển khai, tiến độ, chất lượng.

b) *Việc tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải*

Tình hình triển khai thực hiện trên các nội dung cụ thể như: tổ chức các hội nghị triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật; tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) *Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải*

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

- Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số cơ quan được thanh tra, kiểm tra trên thực tế; việc xử lý các vấn đề phát hiện sau thanh tra, kiểm tra.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước

- Việc cắt giảm, nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải:

- Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực trọng tâm như: đầu tư; đất đai; xây dựng; sở hữu nhà ở; thuế; y tế; giáo dục; lao động; bảo hiểm; khoa học và công nghệ và một số lĩnh vực khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2.2. *Cải cách thủ tục hành chính giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các ngành, các cấp và trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước*

Các nội dung 2.1, 2.2 nêu trên, các cơ quan, đơn vị thực hiện và báo cáo theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của mình và phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải.

2.3. Về kiểm soát thủ tục hành chính

a) Kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính

b) Về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính

- Việc ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch, việc xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát.

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTTC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, ngành.

- Việc cập nhật, công bố thủ tục hành chính theo quy định.

c) Công khai thủ tục hành chính

- Việc niêm yết công khai thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính của Bộ và cơ quan, đơn vị.

- Việc công khai thủ tục hành chính trên website của Bộ và cơ quan, đơn vị.

- Các hình thức công khai khác.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Bộ Giao thông vận tải và cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

Nêu rõ tình hình tổ chức thực hiện rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập). Qua rà soát, đánh giá được các vấn đề sau:

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy, trong đó nêu rõ mức độ tuân thủ quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải.

- Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Giao thông vận tải với các bộ, ngành khác.

- Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

- Tình hình quản lý biên chế của Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của Bộ.

3.2. Về phân cấp quản lý

- Việc đề xuất đẩy mạnh phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

- Việc thực hiện các quy định phân cấp do Chính phủ ban hành;

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ đã phân cấp cho địa phương;

- Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra.

3.3. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Công tác xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra.

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra.

3.5. Đổi mới phương thức làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

3.6. Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công

Nội dung 3.5 và 3.6 tùy theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về chức danh, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của các bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ

4.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức

4.3. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

4.4. Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công

Nội dung từ 4.1 đến 4.4 các bộ thực hiện và báo cáo theo chức năng quản lý nhà nước của mình và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4.5. Việc thực hiện công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của bộ

a) Xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức

Nêu rõ tình hình xây dựng và phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm, trong đó nêu rõ số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc đã xây

dụng cơ cấu công chức theo vị trí việc làm, số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc có cơ cấu công chức được phê duyệt và mức độ thực hiện cơ cấu công chức trên thực tế của các cơ quan, đơn vị này.

b) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức

- Việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức tại khối cơ quan Bộ.

- Kết quả thực hiện quy định về tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức tại các cơ quan hành chính (Cục, Tổng cục và tương đương; tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng).

c) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

- Việc ban hành và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm của bộ; trong đó nêu rõ kết quả thực hiện theo kế hoạch, mức độ hoàn thành kế hoạch.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức của bộ.

d) Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức:

- Thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh (trong đó nêu rõ bao nhiêu cơ quan, đơn vị trực thuộc trên tổng số thực hiện).

- Tình hình thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo cấp Vụ và tương đương trở xuống.

- Về chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính.

đ) Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức

5. Cải cách tài chính công

5.1. Hoàn thiện chính sách và hệ thống thuế, các chính sách về thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội

5.2. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước; quản lý việc vay và trả nợ nước ngoài, nợ Chính phủ, nợ quốc gia, nợ công

5.3. Đổi mới cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

5.4. Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước

5.5. Tăng cường đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình, thể dục, thể thao

Nội dung từ 5.1 đến 5.5 các bộ thực hiện và báo cáo theo chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị.

5.6. Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ

a) Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước (theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP)

Nêu cụ thể tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 130. Trong đó, các Cục, Tổng cục và tương đương báo cáo việc triển khai thực hiện cơ chế này; đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công trong cơ quan chưa? đã ban hành quy chế mức tăng thu nhập bình quân cho cán bộ, công chức bình quân hàng tháng theo cấp bậc, chức vụ chưa?

b) Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập (theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP)

Nêu cụ thể tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 43. Trong đó, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ báo cáo việc triển khai thực hiện cơ chế này; đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công trong cơ quan chưa? đã ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động chưa?

c) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập (theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2005/NĐ-CP)

Nêu cụ thể tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 115. Trong đó, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ báo cáo việc phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động; đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ chưa? đã ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động chưa?

6. Hiện đại hóa hành chính

6.1. Hoàn thiện và đẩy mạnh hoạt động của mạng thông tin điện tử hành chính của Chính phủ trên mạng Internet; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đến năm 2020

6.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân

6.3. Xây dựng trụ sở cơ quan hành chính

Nội dung từ 6.1 đến 6.3 các bộ thực hiện và báo cáo theo chức năng quản lý nhà nước của mình và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

6.4. Về thực hiện hiện đại hoá hành chính tại bộ

a) Về ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.
- Tình hình thực hiện và mức độ hoàn thành kế hoạch.
- Việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại các cơ quan hành chính thuộc Bộ.
- Việc sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.
- Việc thiết lập kênh thông tin tiếp nhận, xử lý các thông tin phản hồi của cá nhân, tổ chức về lĩnh vực quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.
- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Trong đó, thống kê số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở các mức độ 1 và 2, mức độ 3, mức độ 4.

b) Về áp dụng ISO trong hoạt động của bộ

Báo cáo cụ thể tình hình triển khai và ban hành danh mục các quy trình áp dụng tiêu chuẩn ISO tại cơ quan Bộ. Trong đó, các cơ quan hành chính thuộc Bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) báo cáo việc đã được cấp chứng chỉ ISO chưa? cơ quan đã thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động chưa?

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm
2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện CCHC

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG NĂM TỚI

Nêu khái quát phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong năm tới.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu những kiến nghị, đề xuất đối với Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành khác để công tác CCHC trong giai đoạn tới đạt kết quả, hiệu quả cao hơn./.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

(Kèm theo Công văn số 2957 /BGTVT-TCCB ngày 17 tháng 4 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải)

| STT | Kế hoạch | Thời gian ban hành | Số nhiệm vụ/ số đơn vị trong kế hoạch | Số nhiệm vụ/ đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch | Ghi chú |
|-----|--|--------------------|---------------------------------------|---|---------|
| 1. | Kế hoạch cải cách hành chính năm | | | | |
| 2. | Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm | | | | |
| 3. | Kế hoạch tuyên truyền CCHC của cơ quan, đơn vị | | | | |
| 4. | Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị | | | | |
| 5. | Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị | | | | |
| 6. | Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm của cơ quan, đơn vị | | | | |
| 7. | Kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan, đơn vị | | | | |
| 8. | Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL | | | | |
| 9. | Kế hoạch kiểm tra VBQPPL do Bộ GTVT ban hành có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ | | | | |
| 10. | Kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ | | | | |

THỐNG KÊ CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH*(Kèm theo Công văn số 2957 /BGTVT-TCCB ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải)*

| STT | Tiêu chí | Đạt được tiêu chí (đánh dấu x) | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------------|---------|
| 1. | Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt | | |
| 2. | Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động | | |
| 3. | Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt | | |
| 4. | Đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thuộc Bộ có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt | | |
| 5. | Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ thực hiện đúng cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt | | |
| 6. | Đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thuộc Bộ thực hiện đúng cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt | | |
| 7. | Cơ quan hành chính thuộc Bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) thực hiện đúng quy định về tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức | | |
| 8. | Cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ theo ND 130 | | |
| 9. | Cơ quan đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công | | |
| 10. | Cơ quan hành chính thuộc Bộ đã ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm cơ sở chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức | | |
| 11. | Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo ND43 | | |
| 12. | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ | | |
| 13. | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ đã ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ chi trả thu nhập | | |
| 14. | Tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Bộ được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo ND 115 | | |

| | | | |
|-----|--|--|--|
| 15. | Tổ chức khoa học và công nghệ công thuộc Bộ đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ | | |
| 16. | Tổ chức khoa học và công nghệ đã ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ chi trả thu nhập | | |
| 17. | Cơ quan hành chính thuộc Bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) đã triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản | | |
| 18. | Cơ quan hành chính thuộc Bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc | | |
| 19. | Cơ quan hành chính thuộc Bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) được cấp chứng chỉ ISO | | |
| 20. | Cơ quan hành chính thuộc Bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động | | |
| 21. | Cơ quan được thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ | | |

SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**(Kèm theo Công văn số 2957 /BGTVT-TCCB ngày 17 tháng 4 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải)*

| STT | Nhiệm vụ/Tiêu chí | Tổng số | Ghi chú |
|-----|--|---------|---------|
| 1. | Số TTHC trong bộ thủ tục hành chính của Bộ | | |
| 2. | Số TTHC do Bộ ban hành | | |
| 3. | Số TTHC do Bộ ban hành được công khai trên website của bộ | | |
| 4. | Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ được tiếp nhận | | |
| 5. | Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ được xử lý | | |
| 6. | Số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 1, 2 | | |
| 7. | Số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 | | |
| 8. | Số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 | | |

* Văn phòng Bộ báo cáo

TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CCHC**(Kèm theo Công văn số 2957 /BGTVT-TCCB ngày 17 tháng 4 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải)*

| STT | Tiêu chí | Tổng số | Đã thực hiện/Đã xử lý | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|--|---------|-----------------------|---------|--------------|
| 1. | Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC | | | | Vụ TCCB |
| 2. | Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát TTHC | | | | Văn phòng Bộ |
| 3. | Số văn bản của Chính phủ quy định về tổ chức bộ máy phải thực hiện trong năm | | | | Vụ TCCB |
| 4. | Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải | | | | Vụ TCCB |
| 5. | Số vấn đề về phân cấp được phát hiện qua kiểm tra | | | | Vụ TCCB |
| 6. | Số văn bản QPPL phải thực hiện trong kế hoạch xây dựng VBQPPL hàng năm của Bộ đã được phê duyệt | | | | Vụ Pháp chế |
| 7. | Số VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải được rà soát, hệ thống hoá | | | | Vụ Pháp chế |
| 8. | Số vấn đề phát hiện qua rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL | | | | Vụ Pháp chế |
| 9. | Số VBQPPL do bộ, ngành và địa phương ban hành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải được kiểm tra | | | | Vụ Pháp chế |
| 10. | Số vấn đề phát hiện sau kiểm tra VBQPPL do bộ, ngành và địa phương ban hành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải | | | | Vụ Pháp chế |
| 11. | Số vấn đề phát hiện qua thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi QLNN của Bộ Giao thông vận tải | | | | Thanh tra Bộ |